

Số: /2025/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày tháng..... năm 2025 của; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

Các quy định khác có liên quan đến chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi,

bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối với chế độ công tác phí:

- Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị:

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước; họp báo định kỳ; họp Ủy ban nhân dân các cấp; họp Ban Chỉ đạo các chương trình; họp Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 2. Chế độ công tác phí

1. Thanh toán tiền chi phí đi lại

a) Đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn lại không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác mà tự túc bằng phương tiện cá nhân

thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bảo đảm không vượt chế độ đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Phụ cấp lưu trú

a) Mức phụ cấp lưu trú để chi trả cho người đi công tác ngoài tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

b) Mức phụ cấp lưu trú để chi trả cho người đi công tác trong tỉnh (kể cả đi và về trong ngày), áp dụng đối với các trường hợp mà khoảng cách từ trụ sở cơ quan đến nơi công tác từ 10 km trở lên: 300.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày), thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: số giờ thực tế đi công tác trong ngày (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 400.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

a) Thanh toán theo hình thức khoán:

- Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 trở lên: 1.600.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác.

- Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,7 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 800.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các tỉnh và tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh Khánh Hòa: 600.000 đồng/ngày/người.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 600.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các tỉnh và tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh Khánh Hòa: 500.000 đồng/ngày/người.

b) Thanh toán theo hóa đơn thực tế:

Trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 trở lên:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh và tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh Khánh Hòa: 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,7 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh và tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh Khánh Hòa: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh và tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh Khánh Hòa: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

+ Trường hợp đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn hai người/một phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thuê phòng riêng theo mức giá phòng thực tế nhưng tối đa không vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 02 người/phòng).

4. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị còn lại, thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng với quãng đường từ trụ sở cơ quan đến nơi công tác từ 03 km trở lên thì được thanh toán khoán tiền hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe cụ thể như sau:

- Trường hợp công tác thường xuyên từ 11 ngày/tháng đến 15 ngày/tháng: 500.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp công tác thường xuyên trên 15 ngày/tháng: 600.000 đồng/người/tháng.

Mức khoán này phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

5. Trường hợp viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập đang công tác tại một cơ quan nhưng có hai cơ sở làm việc đặt ở hai địa điểm cách nhau từ 100 km trở lên, phải thường xuyên di chuyển giữa hai cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thì được hưởng chế độ công tác phí như sau:

a) Chi phí đi lại, lưu trú: thanh toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ số ngày thực tế di chuyển và làm việc tại cơ sở khác.

b) Tiền thuê phòng nghỉ (trường hợp nghỉ qua đêm): thanh toán theo mức chi tiền thuê phòng nghỉ tại khoản 3 Điều này, cung cấp các hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

c) Khoản tiền công tác phí theo tháng đối với trường hợp phải di chuyển thường xuyên (trên 10 ngày/tháng trở lên) giữa hai cơ sở: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức cụ thể dựa trên chứng từ và quy chế chi tiêu nội bộ.

d) Kinh phí chi trả từ dự toán ngân sách được giao hoặc nguồn thu hợp pháp của đơn vị và đảm bảo trong phạm vi nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 3. Chế độ chi hội nghị

1. Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên; chi cho người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

2. Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

3. Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Cuộc họp tổ chức tại địa điểm thuộc các thành phố trực thuộc trung ương: 300.000 đồng/ngày/người.

b) Cuộc họp tổ chức tại địa điểm thuộc các tỉnh: 200.000 đồng/ngày/người.

c) Cuộc họp do cấp xã tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 150.000 đồng/ngày/người.

5. Trường hợp phải tổ chức ăn tập trung thực hiện như sau:

a) Trường hợp các mức khoán quy định tại khoản 4 Điều này không đủ chi phí thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền tại khoản 4 Điều này nhưng tối đa không vượt quá 130%.

b) Ngoài quy định tại điểm a, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này).

6. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế theo mức chi quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

7. Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

8. Các khoản chi phí khác

Chi thuê mướn phục vụ hội nghị như: thuê hội trường, in sao tài liệu, thuê xe... phải có hợp đồng, giấy biên nhận hoặc hóa đơn.

9. Các chế độ chi khác

a) Cấp tỉnh: chi họp Ủy ban nhân dân thường kỳ hàng tháng; chi họp Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kinh tế - xã hội; chi họp Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh (06 tháng, năm):

- Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người.
- Thành viên dự họp: 150.000 đồng/người.
- Phục vụ: 100.000 đồng/người.

b) Cấp xã: chi họp Ủy ban nhân dân hàng tháng; chi họp Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kinh tế - xã hội; chi họp Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã (06 tháng, năm):

- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người.
- Thành viên dự họp: 120.000 đồng/người.
- Phục vụ: 50.000 đồng/người.

c) Chi họp báo định kỳ hàng quý:

- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người.
- Các đại biểu tham dự cuộc họp: 100.000 đồng/người.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương.
2. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
3. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
4. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết: số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh Khánh Hòa (trước sắp xếp) và số 49/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh Ninh Thuận (trước sắp xếp).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khoá, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND, Cơ quan UBMTTQ VN các xã, phường, đặc khu;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo và Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH